**BÁO CÁO DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ**

**CHỦ ĐỀ: CA DAO VIỆT NAM**

**I. PHẦN MỞ ĐẦU:**

Để đất nước bắt kịp xu hướng phát triển của thế giới, chúng ta cần phải có những con người mới, năng động, tự lực và sáng tạo. Chính điều này đã đặt ra cho ngành giáo dục nhiệm vụ “đổi mới căn bản và toàn diện”. Một yếu tố quan trọng hàng đầu cần được đổi mới hiện nay chính là phương pháp dạy học. Nhưng đổi mới theo phương pháp cụ thể nào thì còn phải chọn lựa cho phù hợp với từng đối tượng con người và nội dung dạy học. Hiện nay, theo quan điểm dạy học hiện đại, nhiều phương pháp dạy học theo hướng tích cực, phát huy năng lực của học sinh đang rất được chú ý như phương pháp “Bàn tay nặn bột”, phương pháp Dạy học theo dự án, phương pháp nghiên cứu khoa học trong HS trung học v à theo đó việc chủ động, linh hoạt thực hiện chương trình, xây dựng kế hoạch giáo dục theo định hướng tinh giản nội dung dạy học và phát triển năng lực học sinh qua việc xây dựng các chủ đề dạy học là rất cần thiết. Vì vậy ở học kỳ I, tổ Văn trường THPT Thủ Đức đã triển khai dạy học chủ đề *“Ca dao Việt Nam”* ở khối lớp 10.

Dạy học theo chủ đề là việc chọn lựa một nhóm bài trong chương trình để xây dựng thành một chủ đề dạy học. Chủ đề này sẽ được thực hiện trong một thời gian dạy học thích hợp dựa theo khung phân phối chương trình của Bộ, của tổ bộ môn. Để thực hiện tốt, giáo viên cần thiết kế tiến trình dạy học cụ thể, có thể phân chia thành từng giai đoạn hoạt động của học sinh. Mỗi chủ đề dạy học được thực hiện ở nhiều tiết học. Mỗi tiết có thể chỉ cần thực hiện một hoặc một số bước trong tiến trình dạy học. Bên cạnh đó, các nhiệm vụ học tập có thể được thực hiện ở cả trong và ngoài giờ lên lớp. Ngoài việc tổ chức cho học sinh thực hiện các nhiệm vụ học tập trên lớp, có thể giao nhiệm vụ học tập cho học sinh theo hình thức cá nhân hoặc nhóm ở ngoài lớp học và ở nhà. Trong tổ chức dạy học theo chủ đề, cần chú trọng các hoạt động dạy học tích hợp kiến thức của nhiều bộ môn. Mục đích cuối cùng của dạy học theo chủ đề là giúp học sinh chủ động tìm tòi và phát hiện kiến thức. Với những bài cùng chủ đề, thể loại học sinh có thể tự tiếp cận và cảm thụ tác phẩm. Do vậy, đây là phương phướng dạy học tích cực cần được chú trọng ở bậc trung học phổ thông.

Xuất phát từ cấu trúc, nội dung chương trình Ngữ Văn 10 cơ bản, chúng tôi nhận thấy việc vận dụng phương pháp dạy học theo chủ đề là rất thuận lợi. Chương trình Ngữ Văn 10 cơ bản có khá nhiều chủ đề để người dạy có thể áp dụng và phát huy ưu điểm của c ác phương pháp dạy học tích cực như: truyện dân gian Việt Nam, ca dao Việt Nam, thơ trung đại Việt Nam, truyện trung đại Việt Nam... Vì là ở thời điểm bước đầu thực hiện, chúng tôi chọn một chủ đề khá quen thuộc với học sinh đầu cấp là *“Ca dao Việt Nam”.*

**II. MỤC TIÊU CỦA CHỦ ĐỀ**

Trong quá trình thực hiện chủ đề, giáo viên định hướng, trang bị cho học sinh những vấn đề thiết yếu như kiến thức, kĩ năng, thái độ và tư tưởng tình cảm.

**1. Về kiến thức**

Giúp học sinh có được những kiến thức cơ bản về ca dao dân gian:

- Vị trí: Văn học dân gian là một trong hai bộ phận lớn cấu thành văn học Việt Nam. Văn học dân gian là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng, sản phẩm của quá trình sáng tác tập thể thể hiện nhận thức, tư tưởng, tình cảm của nhân dân lao động về tự nhiên, xã hội nhằm mục đích phục vụ trực tiếp cho các sinh hoạt khác nhau trong đời sống cộng đồng. Văn học học dân gian khá đa dạng về thể loại như thần thoại, sử thi, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười, tục ngữ, câu đố, ca dao, vè, truyện thơ, chèo. Và có thể nói ca dao là một bộ phận đặc sắc nhất và có số lượng tác phẩm nhiều nhất của văn học dân gian.

- Khái niệm: Ca dao là tác phẩm thơ trữ tình dân gian, thường kết hợp với âm nhạc khi diễn xướng, được sáng tác nhằm diễn tả thế giới nội tâm của con người. Ca dao Việt Nam rất phong phú về đề tài như: ca dao than thân, ca dao yêu thương tình nghĩa, ca dao hài hước, ca dao lịch sử,…

- Nội dung: ca dao diễn tả đời sống tâm hồn, tư tưởng, tình cảm của nhân dân trong các mối quan hệ lứa đôi, gia đình, xã hội, quê hương, đất nước…Từ đó, học sinh sẽ có thêm kiến thức về văn hóa dân gian của dân tộc Việt Nam như: các lễ hội, các hình thức sinh hoạt tập thể, trang phục truyền thống, các hình thức ca hát đặc trưng của dân tộc,…Ca dao bồi dưỡng thêm tư tưởng tình cảm cho học sinh.

- Nghệ thuật: ca dao có những đặc điểm nghệ thuật riêng, rất khác với truyện dân gian và thơ của văn học viết. Lời ca dao thường ngắn, phần lớn đặt theo thể lục bát hoặc lục bát biến thể. Ngôn ngữ gần gũi với lời ăn tiếng nói hằng ngày, giàu hình ảnh so sánh, ẩn dụ và đặc biệt là lối diễn đạt bằng một số công thức mang đậm sắc thái dân gian.

**2. Về kĩ năng**

Giúp học sinh dần dần hình thành một số kỹ năng trong quá trình thực hiện chủ đề như:

- Biết cách cảm thụ một bài ca dao hoặc một tác phẩm văn học dân gian: từ chi tiết, hình ảnh đặc sắc, học sinh phá hiện, phân tích cái hay cái đẹp về nội dung và nghệ thuật, ý nghĩa tư tưởng của nó.

- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm. Học sinh biết cách tìm kiếm, chọn lọc và tổng hợp tư liệu phù hợp với vấn đề mình quan tâm. Rèn luyện kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập.

- Có thể trình bày chính kiến của mình một cách mạch lạc, thuyết phục trong bài làm hoặc trước tập thể.

- Học sinh được rèn luyện kĩ năng so sánh, đối chiếu, đánh giá dựa trên tư duy logic và tư duy thẩm mỹ.

**3. Thái độ, tình cảm**

- Hình thành cho học sinh tình yêu đối với con người, với quê hương, đất nước; giúp học sinh hướng tới cái đẹp, chân – thiện – mĩ trong cuộc sống.

- Có tinh thần độc lập, tự giác, tự chịu trách nhiệm trước nhóm.

- Tạo hứng thú học tập và khả năng tự học; kích thích sự tìm tòi học hỏi ở học sinh.

- Biết trân trọng và có ý thức tiếp thu, phát huy tinh hoa của văn học dân gian việt Nam.

**III. TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ:**

**1.Chọn chủ đề**

Căn cứ để chọn chủ đề là dựa vào bộ sách giáo khoa đang được dùng để giảng dạy tại các trường THPT hiện nay trên toàn quốc. Sách giáo khoa Ngữ Văn 10 cơ bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo do Phan Trọng Luận chủ biên của Nhà xuất bản Giáo dục, năm 2009 đã biên soạn phần *Ca dao* như sau:

- Bài một có tiêu đề “Ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa” (trang 82, SGK).

- Bài hai có tiêu đề “Ca dao hài hước” (trang 90, SGK).

Theo phân phối chương của tổ bộ môn, hai bài này được phân bố thời gian như sau: bài “Ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa” dạy trong hai tiết; bài “Ca dao hài hước” dạy trong thời lượng một tiết. Như vậy tổng thời lượng cho hai bài học là 3 tiết. Ngoài ra, phân phối chương trình của tổ cũng dành hai tiết rèn luyện cho phần ca dao. Nhưng hai tiết này chủ yếu là để luyện tập, hướng dẫn học sinh phương pháp làm bài tập làm văn về ca dao theo đúng yêu cầu của một tiết rèn luyện (không dạy bài trong chương trình chính khóa).

Với 3 tiết dạy chính khóa, giáo viên hướng dẫn học sinh kỹ một số kỹ năng cần thiết ở một vài bài ca dao tiêu biểu. Từ đó, học sinh có thể tự tiếp cận, lĩnh hội những bài ca dao khác.

**2. Xây dựng kế hoạch**

- Bài “Ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa”: Dạy bài 1, 4, 6. Bài 2, 3, 5: hướng dẫn học sinh tự học.

- Bài “Ca dao hài hước”: Dạy bài 1, 2. Bài 3, 4: hướng dẫn học sinh tự học.

- Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh sưu tầm, tìm hiểu về ca dao và các hình thức diễn xướng của ca dao hoặc là học sinh thực hiện diễn xướng ca dao để trình bày vào tiết 3 tiết học và cả tiết Ôn tập văn học dân gian Việt Nam.

**3. Các bước thực hiện cụ thể:**

***a. Bước chuẩn bị:***

- Giáo viên cần xác định rõ thời lượng dạy học cho chủ đề, chọn bài nào dạy bài nào dành cho học sinh chuẩn bị. Theo khuynh hướng giảm tải của Bộ giáo dục thì chỉ cần dạy kỹ bài ca dao 1, 4, 6 ở chùm ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa. Nhưng ở đây, nhằm mục đích dạy kỹ bài 1, 4, 6 để trên cơ sở những hiểu biết về thể loại ca dao, học sinh tự tìm hiểu các bài ca dao còn lại là 2, 3, 5. Giáo viên cũng tạo điều kiện về thời gian để học sinh trình bày kết quả sự tìm hiểu đó của mình trước tập thể. Việc làm này vừa kiểm tra xem việc dạy học theo chủ đề có hiệu quả như thế nào và đồng thời kích thích khả năng tự thể hiện mình ở học sinh.

- Giáo viên hướng dẫn và giao nhiệm vụ cho học sinh:

+ Tiết 1: Tìm hiều về Thể loại Ca dao; bài ca dao 1, 4.

+ Tiết 2: Tổ 1 thuyết trình bài 6. Tổ 2 thuyết trình bài 2, 3.

+ Hướng dẫn học sinh cách chuẩn bị bài thuyết trình: học sinh cần chú ý những vấn đề trọng tâm khi phân tích ca dao là nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa tư tưởng của các bài ca dao. Ca dao là tấm gương phản ánh đời sống tâm hồn của người lao động. Vậy những bài ca dao này diễn tả khía cạnh nào trong đời sống tình cảm của người xưa? Cách diễn tả như thế nào? Nói trực tiếp hay nói bằng hình ảnh? Những biện pháp nghệ thuật nào được dùng để diễn tả? Qua đó, nhân dân lao động muốn gởi gắm điều gì? Những lưu ý này chỉ bắt gặp ở một hay nhiều bài ca dao? Những dẫn dắt trên đây là hết sức cần thiết và quan trọng cho học sinh khi tự học ở nhà. Nó giúp học sinh có định hướng, tránh lan man hay chỉ biết viết theo nói theo tài liệu mà không ý thức mình nói gì, mình có hiểu nó hay không. Nó sẽ giúp học sinh cảm thấy tìm hiểu bài ca dao không có gì là khó mà trái lại khá thú vị. Dần dần sẽ hình thành hứng thú học tập bộ môn và phương pháp tự học cho học sinh. Bên cạnh đó, giáo viên có thể yêu cầu học sinh nộp bài thuyết trình trước để xem qua. Giáo viên tôn trọng chính kiến của học sinh, chỉ chỉnh sửa những lỗi lớn chứ không bắt học sinh viết bài theo ý mình.

+ Hướng dẫn học sinh tìm tài liệu tham khảo và xử lý tài liệu.

+ Giao bài tập:

**.** Tổ 3: sưu tầm thêm các bài ca dao cùng đề tài, chủ đề (có thể in ra giấy hoặc trình chiếu). Giáo viên nhấn mạnh là ca dao dân gian để học sinh không nhầm với ca dao hiện đại.

**.** Tổ 4: sưu tầm các hình thức diễn xướng của ca dao để trình chiếu cho cả lớp cùng xem.

Việc giao bài tập này có ý nghĩa lớn với học sinh. Thứ nhất giúp học sinh mở rộng kiến thức, hiểu biết thêm nhiều bài ca dao xưa. Thứ hai hình thành khả năng tìm tòi, học hỏi, tự giải quyết vấn đề. Thứ ba là hình thành khả năng làm việc độc lập và nhóm cho học sinh; ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập. Thứ tư là học sinh thấy học văn cũng rất sinh động chứ không là những bài giảng suông, nhàm chán trên lớp.

+ Tiết 3: dạy bài ca dao số 1, tổ 3 thuyết trình bài ca dao số 2. Tổ 4 thuyết trình bài ca dao 3,4. Ngoài ra, tổ 1 và tổ 2 sưu tầm ca dao hài hước. Giáo viên cùng học sinh chuẩn bị kỹ như tiết 1, 2.

Để việc dạy học theo chủ đề có hiệu quả và phát huy hết tác dụng của nó, khâu chuẩn bị và vai trò của người giáo viên lúc này là vô cùng quan trọng. Và việc chuẩn bị, tự học ở nhà của học sinh cũng vô cùng cần thiết.

***b. Tiến hành:***

- Tiết 1: Giáo viên sử dụng phương pháp vấn đáp, thuyết giảng để hướng dẫn học sinh tim hiểu thể loại Ca dao, ph ân t ích bài ca dao số 1 *“Thân em như tấm lụa đào”* và bài ca dao số 4. Giáo viên nhấn mạnh đặc điểm nội dung và nghệ thuật cũng như ý nghĩa tư tưởng của tác phẩm nhằm giúp hình thành kỹ năng cảm thụ ca dao cho học sinh. Giáo viên cần dành thời gian thích đáng cho phần này. Bước đầu này giống như một sự thị phạm để học sinh hình dung và hiểu rõ hơn về việc phân tích ca dao. Học sinh có vượt qua rào cản tâm lý thường gặp là phân tích ca dao thì làm thế nào hay không hoàn toàn phụ thuộc vào sự hướng dẫn cụ thể, khoa học của giáo viên.

- Tiết 2:

+ Tổ 1 lên thuyết trình bài ca dao số 6. Sau đó lớp cùng trao đổi, thảo luận để bật lên vấn đề trọng tâm là nội dung và nghệ thuật cũng như ý nghĩa tư tưởng của bài ca dao. Sau đó giáo viên nhận xét, bổ sung để định hướng cho học sinh những kỹ năng phân tích ca dao: về nội dung: diễn tả đời sống tâm hồn gì của người lao động? về nghệ thuật: sử dụng cách nói giàu hình ảnh như thế nào, thường dùng biện pháp nghệ thuật nào? Ý nghĩa tư tưởng mà người dân lao động muốn gởi gắm là gì?. Với những kỹ năng này, học sinh có thể tiếp cận và hiểu được tất cả các bài ca dao trong kho tàng ca dao dân gian Việt Nam. Đây là nền tảng học sinh cần có để tự tìm hiểu và thuyết trình các bài ca dao còn lại trong sách giáo khoa.

+ Tổ 2 thuyết trình bài 2, 3

+ Học sinh tham gia thảo luận.

+ Giáo viên chốt lại vấn đề.

+ Học sinh trình bày sản phẩm đã được giao về nhà: ca dao cùng đề tài chủ đề, các hình thức diễn xướng của ca dao. Học sinh trình bày sản phẩm cũng là khâu quan trọng. Đây là công sức, thành quả lao động của học sinh. Giáo viên cần có khen và góp ý cho những sai sót nếu có một cách khéo léo, tế nhị. Khen để động viên, khuyến khích học sinh, nếu sản phẩm tốt giáo viên có thể mạnh dạn cho điểm cộng. Góp ý để học sinh nhận ra sai sót để bài hoàn chỉnh hơn. Giáo viên phải bản lĩnh để kiểm tra, đánh giá sản phẩm của học sinh. Sản phẩm là sưu tầm các hình thức diễn xướng của ca dao có thể dễ nhận xét còn sản phẩm sưu tầm ca dao thì học sinh rất dễ gặp sai sót là nhầm với ca dao hiện đại. Nếu giáo viên tỏ ra thờ ơ với sản phẩm của học sinh thì học sinh sẽ mất hứng thú, không tham gia những lần sau.

Như vậy ở tiết học này, học sinh hoàn toàn đóng vai trò chủ động trong tiết học. Giáo viên là người định hướng, giúp đỡ học sinh trước vấn đề khó hay trước những ý kiến trái chiều của học sinh. Nhưng để có được tiết học này, người giáo viên phải có khâu chuẩn bị tốt đã nói trên.

- Đối với tiết 3:

+ Tổ 3 thuyết trình bài ca dao số 1, 2.

+ Tổ 4 thuyết trình bài ca dao 3, 4.

+ Ngoài ra, tổ 1 và tổ 2 sưu tầm ca dao hài hước.

Cách thức tiến hành tiết 3 cũng như tiết 1, 2. Nhưng ở tiết 3 có một công việc quan trọng mà người giáo viên cần thực hiện đó là so sánh các mảng ca dao với nhau. Mặc dù ca dao nói chung có nhiều điểm giống nhau nhưng ở mỗi đề tài, chủ đề vẫn có điểm khác nhau. Giáo viên không nói hộ cho học sinh mà nên đặt vần đề cho cả lớp cùng suy nghĩ, thảo luận nhóm để đưa ra câu trả lời: khi so sánh các bài ca dao này với nhau, em có nhận xét gì về nội dung và nghệ thuật của chúng?

Như vậy, với thời lượng 3 tiết theo phân phối chương trình của tổ bộ môn, nếu áp dụng phương pháp dạy học theo chủ đề, giáo viên có thể giúp học sinh tìm hiểu được những đặc trưng cơ bản của ca dao dân gian qua các bài ca dao trong sách giáo khoa. Trên cơ sở học sinh đã chuẩn bị bài, giáo viên dạy kỹ một hai bài. Những bài còn lại học sinh vận dụng những hiểu biết của mình để tìm hiểu, làm rõ cái hay cái đẹp của nó.

**III. KẾT LUẬN**

Nội dung, mục đích chính của chủ đề*“Ca dao Việt Nam”* là giúp học sinh nắm được những đặc trưng cơ bản về nội dung, nghệ thuật của ca dao dân gian; cách thức tiếp cận, xử lí một bài ca dao. Việc dạy học theo chủ đề trên được tổ chức trong lớp học và cả ở nhà. Học sinh được giao nhiệm vụ cụ thể theo từng cá nhân và theo nhóm. Trong quá trình thực hiện dạy học theo chủ đề, giáo viên đã tổ chức được nhiều hoạt động cho học sinh như thuyết trình; sưu tầm ca dao cùng đề tài; sưu tầm các hình thức diễn xướng của ca dao dân gian; thảo luận nhóm;… nhằm giúp học sinh tự tìm tòi, phát hiện và lĩnh hội kiến thức. Từ những kỹ năng được rèn luyện, học sinh có khả năng tiếp nhận được các văn bản cùng thể loại.

Việc dạy học theo chủ đề “*Ca dao Việt Nam*” với học sinh khối lớp 10 cơ bản có một số thuận lợi như: đây là chủ đề khá quen thuộc, gần gũi với học sinh nên khả năng tiếp thu của HS tương đối nhanh. Tài liệu phục vụ cho chủ đề này khá phong phú, dễ tìm. Phần nhiều học sinh hứng thú khi học chủ đề này. Tuy nhiên, vấn đề còn tồn tại chính là trình độ học sinh các lớp không đều nhau nên việc tổ chức thực hiện dạy học theo chủ đề giữa các lớp không đồng đều, tiến trình không như dự kiến, giáo viên phải chủ động thay đổi kế hoạch, cách thức cho phù hợp. Bên cạnh đó, cách thức dạy học này chỉ phát huy hiệu quả với học sinh chăm chỉ, siêng năng; yêu thích môn Văn ; có ý thức tự học. Do đó đối tượng học sinh lười học, không có ý thức tự học sẽ gặp nhiều khó khăn. Các em sẽ bỏ qua mảng kiến thức tự học ở nhà và dẫn đến có lỗ hổng kiến thức bộ môn.

**PHỤ LỤC**

**GIÁO ÁN TIẾT DẠY**

**CA DAO THAN THÂN, YÊU THƯƠNG TÌNH NGHĨA**

**I. Mục tiêu bài dạy**

**1. Kiến thức:**

Qua bài học giúp học sinh: Cảm nhận được tiếng hát than thân và tiếng hát yêu thương tình nghĩa của người bình dân trong xã hội phong kiến xưa qua nghệ thuật riêng đậm sắc màu dân gian của ca dao

**2. Kĩ năng:**

Giúp học sinh: Biết cách tiếp cận và phân tích ca dao qua đặc trưng thể loại

**3. Thái độ:**

Giáo dục cho học sinh ý thức trân trọng và đồng cảm với tâm hồn người lao động và những suy nghĩ của họ

**II. Phương tiện, phương pháp thực hiện**:

- Sáh giáo khoa, sách giáo viên, tài liệu tham khảo.

- Kết hợp phương pháp đọc diễn cảm, thảo luận, thuyết trình, vấn đáp.

**III. Tiến trình bài dạy**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ**:

**3. Bài mới**

**\* Lời vào bài** : *Ra đời trong xã hội cũ, ca dao trữ tình là những tiếng hát than thân, những lời ca yêu thương tình nghĩa cất lên từ cuộc đời còn nhiều cơ cực, đắng cay nhưng đằm thắm ân tình của người bình dân Việt Nam. Đó là những tiếng ca cất lên từ cuộc sống, giản dị nhưng đằm thắm và sâu sắc, đầy ắp những nghĩa tình...Để hiểu thêm điều đó chúng ta cùng vào bài học hôm nay…*

\* **Nội dung bài mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **GV**: Yêu cầu HS đọc tiểu dẫn và trình bày định nghĩa, phân loại, đặc điểm nghệ thuật của ca dao? Từ đó đề xuất phương pháp tìm hiểu bài học?  **HS**: Đọc tiểu dẫn và trình bày khái quát  **GV**: Yêu cầu HS đọc bài ca dao 1 và cho biết bài ca dao này có cách mở đầu như thế nào? Nó gợi lên điều gì?  **HS**: Phát hiện, trả lời  **GV**: Em hãy tìm những bài ca dao có cùng kiểu mở đầu như thế?  **HS**: Liên hệ  **GV trích dẫn chứng:**  *Thân em như hạt mưa rào*  *Hạt rơi xuống giếng, hạt vào vườn hoa*  *Thân em như hạt mưa sa*  *Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày…*  *Hoặc*  *Thân em như giếng giữa làng*  *Người thanh rửa mặt người phàm rửa chân*  *Thân em như lá đài bi*  *Ngày thì dãi nắng đêm thì dầm sương*  **GV khẳng định**: Như vậy ca dao có cả một hệ thống những bài mở đầu bằng “thân em như..” được xem như lời chung của người phụ nữ trong xã hội xưa. Hình thức lặp lại với một tần số khá lớn đã nói lên họ là những người khổ nhất trong xã hội cũ.  **HS**: Lắng nghe  **GV**: Trong hai bài ca dao này nỗi khổ của người phụ nữ được diễn tả thông qua thủ pháp nghệ thuật nào? Những hình ảnh này giúp ta hiểu gì về người phụ nữ?  **HS**: Phát hiện, phân tích và rút ra nhận xét  **GV**: Tự ý thức về mình cao như thế nhưng thực tế cuộc đời của người phụ nữ có xứng với giá trị của họ hay không? Điều này được diễn tả như thế nào ?  **HS**: Phân tích, rút ra nhận xét  **GV giảng:** Thực tế người phụ nữ không hề tương xứng giữa giá trị và phẩm chất: Những người phụ nữ ấy không có quyền tự quyết định cuộc đời mình, họ hoàn toàn bị phụ thuộc vào người khác. Thể hiện rõ ở vế thứ hai: Tấm lụa đào: đẹp nhưng lại chịu cảnh “phất phơ giữa chợ biêt vào tay ai”. Mà chợ là chốn đông người qua lại, giữa chốn ấy, người phụ nữ bị đem ra bình giá, nhận xét, cân đong, đo đếm khác nào một món hàng... Không biết ai sẽ là người mua, ai sẽ làm chồng của mình?  **Đọc- hiểu bài ca dao số 4**  -Bài ca dao là lời của ai? Nhằm mục đích gì?  - Thủ pháp nghệ thuật nào được sử dụng?  -Ý nghĩa hình tượng của hình ảnh khăn, đèn, mắt?  - Vì sao *cái khăn* được hỏi đến đầu tiên và nhiều nhất?  “*Gửi khăn, gửi áo, gửi lời*  *Gửi đôi chàng mạng cho người ở xa*”  “*Nhớ khi khăn mở trầu trao*  *Miệng thì cười nụ biết bao nhiêu tình*”  *Sẵn đây khăn gấm quạt quỳ*  *Với cành thoa ấy tức thì đổi trao (Truyện Kiều,*  - Thủ pháp nghệ thuật nào được sử dụng ?  - Nhận xét ?  -Theo em, vì sao bài ca dao đề cập đến ngọn đèn, có dụng ý gì?  *“Đêm khuya thắp đĩa dầu đầy*  *Dầu đà khô hết nước mắt này không khô”*  Điệp khúc nào được nhắc lại? gợi cho em suy nghĩ gì?  Hình ảnh *“đèn không tắt”* diễn tả điều gì?  *“Đêm qua tựa gối loan phòng*  *Dầu hao thiếp xót, đèn chong canh dài*  *Chờ chàng canh một canh hai*  *Canh ba canh bốn…đêm dài như sông”*  Các câu ca dao có liên quan đến ngọn đèn:  *“Đêm khuya thắp đĩa dầu đầy*  *Dầu đà khô hết nước mắt này không khô”*  *“Đêm khuya chong ngọn đèn ngồi*  *Bâng khuâng nhớ bạn bồi hồi lá gan”*  *Nếu ở đoạn trên cái khăn biết giãi bày thì ở đây ngọn đèn cũng biết thổ lộ. Chúng đã nói lên nhiều điều cần nói của nhân vật trữ tình*  Cuối cùng là đôi mắt của chính cô gái. Dù kín đáo, gợi cảm bao nhiêu thì “khăn” và “đèn” cũng chỉ là cách nói gián tiếp theo lối biểu tượng nhân hóa. Mắt mới là hình ảnh thực của cô gái. Đôi mắt chính là cửa sổ của tâm hồn…  Từ khăn, đến đèn, bây giờ là mắt, có sự chuyển động nào trong tâm tư cô gái?  - Hình ảnh *“mắt ngủ không yên”* cho thấy tâm trạng nhân vật trữ tình lúc này ra sao?  - Giữa “đèn không tắt” và “mắt không ngủ yên” có sợi dây liên hệ nào không? Từ những hình ảnh ấy ta hình dung được điều gì về cô gái lúc này?  *Giảng bình: Như vậy nỗi nhớ được nói đến liên tiếp, dồn dập trong 10 câu thơ 4 chữ. Cô gái chỉ hỏi mà không có lời đáp. Nhưng không đáp mà thực ra đã đáp rồi. Câu trả lời nằm trong 5 điệp khúc* ***“thương nhớ ai”.*** *Tất cả bắt nguồn từ tình yêu chân thành, tha thiết của cô gái dành cho chàng trai. Và đó chính là đáp số quan trọng*  Câu cuối bài ca dao cho thấy nhân vật trữ tình đang lo lắng điều gì?  Nỗi nhớ trong thơ hiện đại:  \* *“Ôi con sóng nhớ bờ*  *Ngày đêm không ngủ được*  *Lòng em nhớ đến em*  *Cả trong mơ còn thức”-* Xuân Quỳnh  \**“Anh nhớ tiếng. Anh nhớ hình. Anh nhớ ảnh/ Anh nhớ em, anh nhớ lắm! Em ơi!”* - Xuân Diệu  GV sử dụng phương pháp vấn đáp, thuyết giảng.  *GV hướng dẫn HS Tổng kết bài*  + Nội dung nào được phản ánh qua chùm ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa?  + Qua đó ta thấy ca dao sử dụng linh hoạt, đa dạng các thủ pháp nghệ thuật như thế nào?có tác dụng gì?  *HS đọc phần Ghi nhớ và ghi vào tập*  *GV hướng dẫn HS Tổng kết bài*  + Nội dung nào được phản ánh qua chùm ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa?  + Qua đó ta thấy ca dao sử dụng linh hoạt, đa dạng các thủ pháp nghệ thuật như thế nào?có tác dụng gì?  *HS đọc phần Ghi nhớ và ghi vào tập* | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Định nghĩa ca dao** (Tham khảo bài: **Khái quát VHDG Việt Nam**)  **2. Phân loại: có 3 nhóm**  - Ca dao than thân: là những câu hát cất lên từ những cuộc đời còn nhiều xót xa cay đắng  - Ca dao yêu thương tình nghiã là những bài ca dao diễn tả tình yêu thương, ân tình, nghĩa tình như: tình cảm gia đình, bạn bè, tình yêu lứa đôi, tình yêu quê hương đất nước, con người  - Ca dao hài hước: là những bài ca dao dùng để giải trí, châm biếm đả kích  **3. Đặc điểm nghệ thuật**  - Thể thơ: phần lớn là lục bát hoặc lục bát biến thể, ngoài ra còn có thể song thất lục bát, vãn bốn, vãn năm.  - Giàu hình ảnh so sánh, ẩn dụ và nhiều biểu tượng mang tính truyền thống: hạt mưa, tấm lụa đào, cái giếng, cây đa, bến nước, con đò, con thuyền...  - Hình thưc lặp lại cũng rất phổ biến trong ca dao: kết cấu, hình ảnh, công thức ngôn từ...  - Ngôn ngữ: gần với ngôn ngữ hàng ngày, mang đậm tính địa phương và dân tộc.  **II. Đọc hiểu**  **1. Ca dao than thân (bài 1)**  - Bài ca dao mở đầu bằng cụm từ: “thân em như...”. Lối mở đầu này xác định rõ đây là lời than thân của người phụ nữ. Đồng thời, còn gợi lên sự ngậm ngùi, xót xa, cảm thương, có tác dụng nhấn mạnh, gây sự chú ý với người nghe, người đọc.  - Nỗi khổ của họ được thể hiện qua hình ảnh ẩn dụ so sánh: “tấm lụa đào”- là thứ lụa mềm mại, óng ả, rất quí và hiếm  ⇨ Tự ví mình như thế nghĩa là người phụ nữ đã ý thức rõ phẩm chất bên trong, giá trị của mình, vai trò cần thiết không thể thay đổi trong cuộc đời.  - Lối nói so sánh ví von cho thấy người phụ nữ là những người đẹp cả về hình thức bên ngoài lẫn phẩm chất bên trong và luôn cần thiết, hữu ích cho cuộc đời (Là tấm lụa đẹp trang sức cho đời)  - Người phụ nữ ý thức được sắc đẹp, tuổi xuân và giá trị của mình (như tấm lụa đào), nhưng số phận thật chông chênh không có gì đảm bảo (phất phơ giữa chợ biết vào tay ai?), giống như một món hàng để mua bán.  ⇨ Tóm lại, bài ca dao trên không chỉ là tiếng nói về thân phận của người phụ nữ mà còn là tiếng nói khẳng định phẩm giá của họ.  **1*. Bài 4: Nỗi niềm thương nhớ người yêu da diết, bồn chồn:***  - Nỗi niềm của cô gái đối với người yêu đọng lại trong một tấm khăn thương nhớ.  - Thể hiện sự nhớ thương qua hình ảnh và biểu tượng cụ thể, sinh động: biểu tượng *“khăn, đèn, mắt”*, đặc biệt là hình ảnh *“khăn”.*  - Khăn, đèn phép nhân hóa, *mắt* là phép hoán dụ. Biểu tượng cho nỗi niềm thương nhớ của cô gái đang yêu.  **⬩Khăn:** vật trao duyên, vật kỉ niệm gợi nhớ. Vật dụng quấn quýt với người con gái, như cùng chia sẻ với họ trong niềm thương nhớ.  - Từ *“khăn”* đứng ở vị trí đầu câu thơ, láy lại 6 lần và Câu *“Khăn thương nhớ ai”* láy lại 3 lần như 1 điệp khúc🡪 nỗi nhớ triền miên, da diết, khôn nguôi. Mỗi lần hỏi là một lần nỗi nhớ trào dâng.  - Nghệ thuật đảo thanh và dùng hình ảnh vận động trái chiều của cái khăn: *xuống, lên, rơi, vắt* 🡪 tâm trạng con người ngổn ngang trăm mối tơ vò🡪 nỗi nhớ bao trùm cả không gian  - Nỗi nhớ người yêu dẫn đến cảnh khóc thầm của biết bao cô gái trong ca dao: *khăn chùi nước mắt*  - 6 câu thơ hỏi khăn, 24 chữ có đến16 thanh bằng/ 24 thanh: nỗi nhớ thương bâng khuâng da diết. Mang đậm màu sắc nữ tính, biết ghìm nén cảm xúc không bộc lộ một cách dễ dãi.  **⬩ Đèn:**  - Nỗi nhớ được đo theo thời gian: nhớ từ ngày – đêm, nỗi nhớ kéo dài triền miên.    - Điệp khúc *“ thương nhớ ai”* được giữ lại nhưng nỗi nhớ lại được đặt vào hình ảnh ngọn đèn  - Hình ảnh *“đèn không tắt”:* con người trằn trọc thâu đêm trong nỗi nhớ đằng đẵng với thời gian🡪 ngọn lửa tình vẫn cháy trong tim người con gái  ⬩ Mắt:  - Cô gái đang tự hỏi chính mình🡪***“Mắt thương nhớ ai- mắt ngủ không yên”***    - Nỗi ưu tư vẫn còn nặng trĩu trong lòng cô gái  - Thao thức, trằn trọc không ngủ vì thương nhớ mỏi mòn.  *-* Hình tượng hợp lí nhất quán và tự nhiên như cuộc sống của con người, như chính niềm thương nỗi nhớ của cô gái:“đèn không tắt” và “mắt không ngủ yên”.  - Nỗi nhớ liên tiếp trong 10 câu thơ 4 chữ : cô gái chỉ hỏi mà không có lời đáp như nén chặt nỗi thương nhớ.  - Cuối cùng trào ra bằng nỗi lo âu mênh mông cho hạnh phúc lứa đôi *“Đêm qua …”* 🡪 hạnh phúc lứa đôi trong XH cũ thường bấp bênh vì tình yêu tha thiết đâu đã dẫn đến hôn nhân cụ thể.  🡪 Tiếng hát đầy yêu thương thể hiện qua nỗi nhớ chan chứa tình người như một nét đẹp tâm hồn của các cô gái Việt ở làng quê xưa.  **III. Tổng kết**:  Nỗi niềm chua xót, đắng cay và tình cảm yêu thương chung thủy của người bình dân trong xã hội cũ được bộc lộ chân tình và sâu sắc qua chùm ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa. Nghệ thuật dân gian đã tô đậm thêm vẻ đẹp tâm hồn của người lao động trong câu ca |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **Tiết 2**  Học sinh thuyết trình bài ca dao 6, 2, 3  Lớp thảo luận  Giáo viên nhận xét, bổ sung, chốt lại ý chính.  **Tiết 3:**  Tổ 3 thuyết trình bài ca dao số 1, 2.  Tổ 4 thuyết trình bài ca dao 3,4.  Tổ 1 và tổ 2 trình bày phần sưu tầm ca dao hài hước.  Trình bày kết quả sưu tầm diễn xướng ca dao dân ca dân gian.  Lớp thảo luận  Giáo viên nhận xét, bổ sung, chốt lại ý chính | Nghệ thuật và nội dung của các bài ca dao. |

**3. Củng cố - luyện tập: (2’)**

? Qua bài học em có suy nghĩ gì về thân phận của những người phụ nữ Việt Nam xưa?

? Sưu tầm những bài ca cao than thân mở đầu bằng cụm từ “Thân em như”?

**4. Hướng dẫn học sinh tự học bài ở nhà (2’)**

**a. Bài cũ**:

- Đọc thuộc các bài ca dao

- Nắm vững nội dung bài học

**b. Bài mới:**

- Chuẩn bị : ***Ca dao hài hước***